

Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam

• TS. HÀ THỊ THÀNH

Ngay từ buổi đầu khai thiên lập địa, con người và môi trường đã tồn tại hài hoà, sự hài hoà đó đã trở thành nguyên lý chung trong tư tưởng và hoạt động của toàn nhân loại.

Những năm gần đây, cùng với sự bùng nổ dân số và sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, một số yếu tố của môi trường toàn cầu đã bị suy thoái nghiêm trọng, nhân loại đang đứng trước hiểm họa môi trường do chính con người gây ra. Để có những hành động tích cực trong khai thác, sử dụng, bảo vệ môi trường (BVMT) và phát triển bền vững (PTBV) tài nguyên thiên nhiên, con người cần phải có những hiểu biết căn bản về môi trường để có thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường sống của chính mình. Đó là mục tiêu giáo dục môi trường của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra.

Mặt khác, môi trường là không biên giới, cho nên bảo vệ môi trường và phát triển bền vững không chỉ là nhiệm vụ của một vùng, một miền, một quốc gia nào, mà nó có ý nghĩa toàn cầu.

Với mong muốn được góp phần chuyển tải các mục tiêu, chính sách của Đảng và Nhà

nước Việt Nam vào thực tiễn giáo dục môi trường và phát triển bền vững ở các trường đại học, chúng tôi giới thiệu vài nét về BVMT và PTBV ở Việt Nam.

1. Cơ sở khách quan của BVMT và PTBV

Thứ nhất, xuất phát từ nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Ngay từ đầu thế kỷ XX, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã nhận thức rất rõ về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. Điều đó được thể hiện: năm 1961, giáo trình sinh thái học đã được đưa vào giảng dạy trong các trường đại học ở Việt Nam. Năm 1962, vườn quốc gia Cúc Phương đã được thành lập để bảo vệ nguồn gen quý hiếm và đa dạng sinh học. Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường đã được thành lập năm 1987. Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội Việt Nam thông qua năm 1993.

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII (1996) đã coi vấn đề môi trường như là nhiệm vụ chính trị quan trọng: “Đánh giá chính xác tài nguyên quốc gia để từ đó đề xuất một chiến lược về khai thác, sử dụng hợp lý và

tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, áp dụng công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát định giá tác động của môi trường”[1].

Từ năm 1994 đến nay, giáo dục môi trường đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam đưa vào giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và trung học. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã xác định: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”[2].

Đến Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X, Đảng ta đã xác định mục tiêu, phương hướng tổng quát 5 năm (2006 – 2010) là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng... phát triển kinh tế với nhịp độ cao hơn, có chất lượng hơn, bền vững hơn, gắn kết sự phát triển con người đi đôi với việc bảo vệ tài nguyên và cải thiện môi trường sinh thái”[3].

Thứ hai, xuất phát từ sự thống nhất biện chứng giữa con người với môi trường (tự nhiên và xã hội) là tính thống nhất vật chất của thế giới. Đó là nguyên lý quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Khác với các quan niệm trước đó, triết học Mác-Lênin đã nghiên cứu mối liên hệ giữa con người với môi trường tự nhiên trong sự thống nhất hữu cơ giữa chúng, đồng thời cũng chỉ ra sự khác nhau về chất giữa con người xã hội với tự nhiên. Điều đó có nghĩa là, về mặt xã hội, con người là một dạng vật chất đặc biệt, có tổ chức cao, khác với loài vật con người hoạt động có ý thức. Cho nên, hoạt động của con người có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến môi trường, thậm chí còn làm thay đổi hẳn môi trường. Với tài năng và trí tuệ của mình, con người có thể làm cho môi trường đa dạng, phong phú hơn, nhưng cũng rất dễ làm cho môi trường suy thoái và cạn kiệt. Môi trường sống của con người một khi bị suy thoái và cạn kiệt không những ảnh hưởng xấu đến đời sống của mọi sinh vật trong hệ sinh thái mà còn tác động trực tiếp đến sự tồn tại, phát triển hay diệt vong của chính bản thân con người.

Vì vậy, triết học Mác-Lênin đã nhấn mạnh, con người và môi trường luôn có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Mối quan hệ này đã trở thành nguyên lý thống nhất biện chứng giữa cơ thể và môi trường, trong đó con người vừa là chủ thể tác động lên môi trường, vừa là người gánh chịu mọi hậu quả do môi trường gây ra.

Thứ ba, xuất phát từ thực trạng ô nhiễm môi trường trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Vài chục năm gần đây, sự bùng nổ dân số và sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ đã kéo theo tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng

trầm trọng xảy ra khắp hành tinh. Hiện trạng suy giảm tầng Ozon đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là vùng Nam Cực; hiện tượng mưa axit ngày càng nhiều, nhất là ở các nước có nền công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc...

Ở Việt Nam, những vấn đề môi trường cấp bách đã được trình bày trong báo cáo tại Hội nghị Rio de Janeiro 1992, đó là:

1. Nguy cơ mất và cạn kiệt tài nguyên đang đe dọa cả nước. Hiện tượng này đã từng xảy ra ở nhiều nơi, năm 1943 độ che phủ rừng từ 47,3% đến nay chỉ còn 27,7%.

2. Sự suy giảm nhanh chất lượng và diện tích đất canh tác trên đầu người (từ 0,3 ha/người, nay xuống còn 0,098 ha/người). Tài nguyên đất ngày càng bị ô nhiễm.

3. Tài nguyên biển đang bị suy giảm và ngày càng bị ô nhiễm, nhiều loài sinh vật biển đang có nguy cơ tuyệt chủng.

4. Tài nguyên sinh vật, khoáng sản và các tài nguyên khác do sử dụng không hợp lý đã dẫn đến cạn kiệt dần.

5. Môi trường không khí đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt là các khu công nghiệp.

6. Gia tăng dân số quá nhanh, đô thị hoá, công nghiệp hoá đã kéo theo lượng rác thải ngày càng nhiều do các khu công nghiệp và sinh hoạt thải ra, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người.

7. Chất độc hoá học do chiến tranh xâm lược của Mỹ đã gây ô nhiễm môi trường đất nặng nề ở nhiều nơi, đặc biệt là miền Nam

Việt Nam.

Vì vậy, vấn đề thực hiện mục tiêu giáo dục môi trường cho cộng đồng và đặc biệt trong nhà trường nhằm nâng cao nhận thức về môi trường cho sinh viên, để họ có thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn lớn lao.

2. Bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Việt Nam là nước đang phát triển có nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức về môi trường, thực tế này đã được Đại hội Đảng lần thứ X xác định rõ trong mục tiêu, kế hoạch quốc gia về bảo vệ môi trường.

Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đã xác định: "... Kiểm chế tốc độ gia tăng dân số, nâng cao thể chất và sức khoẻ nhân dân; bảo vệ và cải thiện môi trường" là một trong tám nhiệm vụ chủ yếu phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2006 - 2010) [3].

Đảng và nhà nước Việt Nam đã xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về môi trường đó là:

1. *Dân số*: Thực hiện chính sách ổn định dân số, đặc biệt ở nông thôn.

2. *Nông nghiệp*: Tập trung vào các mục tiêu như tăng năng suất, tăng vụ, thực hiện nông lâm kết hợp, sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hoá học hợp lý ưu tiên phát triển nông nghiệp sinh thái.

3. *Lâm nghiệp*: Ưu tiên chương trình trồng lại rừng, phấn đấu đến năm 2010 độ che phủ của rừng đạt 42 - 43% [3]. Đặc biệt là bảo vệ tài nguyên sinh vật và rừng.

4. *Công nghiệp và đô thị*: Phát triển công nghiệp gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên công nghệ ít chất thải, quản lý tốt đời sống đô thị, kiểm soát ô nhiễm.

5. *Năng lượng*: Ưu tiên phát triển năng lượng ít gây hậu quả xấu đến môi trường. Phải đánh giá được tác động của năng lượng đến môi trường trong các dự án về năng lượng.

6. *Tài nguyên nước*: Tăng cường quản lý các lưu vực, sông ngòi bằng cách trồng rừng, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng nước uống và nước bị ô nhiễm.

7. *Bảo vệ đa dạng sinh học*: bao gồm đa dạng về thành phần loài, kiểu gen và hệ sinh thái.

8. *Môi trường*: Cần xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn môi trường để có cơ sở pháp lý kiểm soát và quản lý môi trường.

3. Phát triển bền vững ở Việt Nam

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định *mục tiêu chiến lược* PTBV là:

1) Duy trì các quá trình sinh thái quan trọng; các hệ sinh thái là cơ sở để nâng cao chất lượng cuộc sống và hoạt động sản xuất của con người. Bảo đảm tính đa dạng sinh học của cây trồng vật nuôi vì lợi ích trước mắt và lâu dài. 2) Đảm bảo sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên bằng việc quản lý cả về quy mô, cường độ và phương thức sử dụng. 3) Đảm bảo chất lượng môi trường cần thiết cho cuộc sống tốt đẹp của con người. 4) Thực hiện kế hoạch hoá tăng trưởng kinh tế và phân bố dân số cho cân bằng với năng suất sản xuất bền lâu cần thiết

cho chất lượng cuộc sống của con người.

Mục tiêu phát triển bền vững 5 năm (2006-2010):

Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đã xác định: “Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt chương trình nghị sự 21” với tám mục tiêu cụ thể: 1- Xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực. 2- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học. 3- Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế của phụ nữ. 4- Giảm tỷ lệ tử vong trẻ em. 5- Tăng cường sức khoẻ bà mẹ và sức khoẻ sinh sản. 6. Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác. 7- Đảm bảo bền vững về môi trường. 8- Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu và phát triển [3,4].

Chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế xã hội chủ yếu (2006-2010)

Một xã hội phát triển bền vững phải được đánh giá bằng 3 tiêu chí chủ yếu, đó là: Bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Trong văn kiện đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đã xác định:

+ *Về kinh tế*: Bền vững về kinh tế được đánh giá bằng: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân trong 5 năm (2006-2010) đạt 7,5-8%/năm; thu nhập GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 1.050 - 1.100 USD/người/năm[3].

+ *Về xã hội*: Xã hội bền vững được đánh giá bằng các chỉ số: tuổi thọ trung bình, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi, và đầu tư cho giáo dục. Trong đó

Việt Nam phấn đấu đến năm 2010:

1- Tuổi thọ trung bình là 72 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi là 16%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 20%. 2- Về giáo dục, chúng ta phấn đấu hoàn thành phổ giáo dục trung học cơ sở, đạt 200 sinh viên đại học và cao đẳng /10.000 dân; lao động đã qua đào tạo chiếm 40% tổng số lao động xã hội. 3- Việc làm, trong 5 năm tạo việc làm cho 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 5%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 22% (2005) xuống 10-11% vào năm 2010[3].

+ *Về môi trường*: Năm 2010, Việt Nam phấn đấu:

1) Độ che phủ rừng lên 42 - 43%. 2) Sử dụng nước sạch ở thành thị là 95% và ở nông thôn là 75% dân cư. 3) 100% cơ sở sản xuất phải áp dụng công nghệ sạch, có thiết bị giảm ô nhiễm và xử lý chất thải. 4) Trên 50% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường. 5) 100% đô thị loại 3 trở lên, 50% đô thị loại 4 và tất cả các khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải. 6) 90% chất thải rắn, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường [3].

Những thách thức của Việt Nam trong phát triển bền vững

Mặc dù chúng ta có nhiều thuận lợi, có nhiều cơ hội nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức đối với phát triển bền vững. Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ X đã chỉ rõ:

1- Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng, hiệu

quả, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém nên yêu cầu phát triển bền vững ít có điều kiện thực hiện. 2- Sức ép dân số tiếp tục tăng, tình trạng thiếu việc làm và tỷ lệ đói nghèo còn cao, các tệ nạn xã hội ngăn chặn chưa có hiệu quả. 3- Trình độ khoa học, công nghệ, năng suất còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá. 4- Môi trường tự nhiên ngày càng bị ô nhiễm, chất độc hoá học do chiến tranh của Mỹ gây ra còn nặng nề, chưa đánh giá được hết tác động của chúng đối với môi trường. 5- Cơ chế, chính sách phát triển bền vững chưa được giải quyết tốt, chưa đáp ứng được yêu cầu, chậm đổi mới. 6- Nhận thức của cộng đồng về phát triển bền vững còn hạn chế. 7- Xu thế toàn cầu hoá đã đặt nền kinh tế Việt Nam vào thế không cân sức, an ninh chính trị thế giới có nhiều biến động ít nhiều đã ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

4. Giải pháp chính cho BVMT và PTBV ở Việt Nam

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đã đưa ra những giải pháp thông minh nhất, hiệu quả nhất là: 1- Áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường. 2- Xoá đói giảm nghèo, xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. 3- Tăng cường quản lý, bảo đảm khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý và tiết kiệm, xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về phục hồi môi trường,

các hệ sinh thái đã bị xâm phạm, bảo đảm cân bằng sinh thái. 4- Nhà nước tăng cường thu hút đầu tư của xã hội, đổi mới chính sách về môi trường; phát triển ứng dụng công nghệ sạch hoặc công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường. 5- Hoàn chỉnh pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi người dân và toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường. 6- Hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống rủi ro. 7- Mở rộng hợp tác kinh tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước để mọi người đều có thái độ đúng đắn với môi trường và hoạt động cho một môi trường tốt đẹp hơn.

Như vậy, vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam nhận thức đúng đắn và toàn diện trên mọi lĩnh vực: phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái và an sinh xã hội, để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tiến mạnh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”[3]□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VIII (1996).
- [2] Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IX (2001).
- [3] Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X (2006).
- [4] Chương trình Nghị sự 21. Cam kết của Việt Nam tại Hội nghị môi trường và phát triển của Liên Hiệp quốc, tháng 9 năm 2000.



Nước thải chưa qua xử lý của Công ty Vedan đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Ảnh: TL